|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **XÃ VẠN TRẠCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 19 /BC-UBND | *Vạn Trạch, ngày 29 tháng 6 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Vạn Trạch, giai đoạn 2010 - 2020**

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010-2019**

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Thuận lợi:**

Vạn Trạch là xã nông nghiệp cách trung tâm huyện Bố Trạch 7 km về phía tây có diện tích tự nhiên 2.743 ha, dân số 7.247 người, gồm 1.843 hộ được phân bố thành 12 thôn theo địa bàn dân cư. Là địa phương có diện tích trồng lúa hằng năm trên 640 ha và chủ động về nguồn nước từ hồ Vực Nồi và các hồ địa phương. Đó là điều kiện thuận lợi cho việc trồng trọt và nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi. Địa bàn dân cư cơ bản khép kín và có hệ thống đường giao thông theo ô bàn cờ thuận lợi cho việc đầu tư hạ tầng và giao thông thuận tiện. Đảng bộ, chính quyền nhiều năm liên tục được công nhận là Đảng bộ vững mạnh, chính quyền cơ sở vững mạnh.

**2. Khó khăn:**

Là xã thuần nông thu nhập chủ yếu từ sản phẩm nông nghiệp giá cả bấp bênh chịu nhiều tác động của thời tiết, do đó thu nhập người dân thấp. Từ năm 2010 đến nay phải trải qua 3 trận bão, lũ lịch sử làm thiệt hại nặng nề tài sản của người dân và cơ sở hạ tầng. Hạ tầng thiết yếu như, điện, trường học, trạm y tế và đường giao thông nông thôn chưa được đầu tư đồng bộ. Lực lượng lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao, việc làm và thu nhập sau mùa vụ còn hạn chế. Khi triển khai thực hiện mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2011 mới đạt được 9/19 tiêu chí.

**II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1.Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của xã trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 và giai đoạn 2015 - 2020**

Để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đảng ủy đã đề ra Nghị quyết chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015; 2015 - 2020. Đảng ủy thành lập Ban chỉ đạo do dồng chí Bí thư Đảng uỷ làm trưởng ban, UBND xã thành lập Ban Quản lý xã do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban, Ban phát triển thôn do Trưởng thôn làm trưởng ban. Đồng thời bám sát nghị quyết của Đảng ủy để đề ra các biện pháp thực hiện, chỉ đạo các đoàn thể ở xã, tổ chức nhiều hội nghị quán triệt đến hội viên, đoàn viên. Ban hành các văn bản hướng dẫn các thôn thực hiện chi tiết theo các tiêu chí, mục đích của việc xây dựng nông thôn mới.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng phát động phong trào toàn thể hội viên, đoàn viên cùng nhau tích cực tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới. Các công trình, tuyến đường thi công được mang tên như đường Hội nông dân, Hội CCB, Hội phụ nữ.

**2**. **Công tác triển khai hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện cấp trển**

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 và các Thông tư liên bộ, quyết định UBND các cấp. Tổ chức tập huấn, giới thiệu thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới. Xây dựng kế hoạch chi tiết cụ thể để hoàn thành một số tiêu chí khả năng đạt được trong những năm đầu đồng thời tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư cho cơ sở hạ tầng thiết yếu như điện, đường, trường trạm, chợ nông thôn.

**3.** **Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện chương trình**

Để thực hiện các quyết định của UBND cấp trên và Ban chỉ đạo huyện Bố Trạch, ngày 14 tháng 6 năm 2011, Đảng ủy xã Vạn Trạch đã họp quán triệt và thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Bí thư Đảng uỷ làm trưởng ban.

Thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới gồm 31 đồng chí do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban quản lý và thành lập ban phát triển thôn gồm 120 đồng chí do trưởng thôn làm trưởng ban.

**4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới.**

*a)Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*

UBND xã tổ chức hội nghị cốt cán quán triệt các văn bản của cấp trên đồng thời tổ chức hội nghị nhân dân từng thôn và thông qua hệ thống truyền thanh để tuyển truyền chủ trương chính sách về xây dựng nông thôn mới đồng thời cho đặt các pa nô về 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở nhà văn hóa thôn và tại trụ sở UBND xã. Đánh giá cụ thể các tiêu chí đã đạt, có thể đạt và chưa đạt để cả hệ thống chính trị cũng vào cuộc.

*b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới „; cuộc vận động “ Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh „*

Tổ chức hội nghị nhân dân để tuyên truyền vận động nhân dân đẩy mạnh phong trào: Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, toàn thể nhân dân xã nhà chung sức xây dựng nông thôn mới. Xác định cho người dân xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp của người dân nông thôn, mọi người dân phải đứng lên làm chủ xây dựng cuộc sống của mình tốt đẹp hơn. Người dân đóng vai trò chủ thể, thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm. dân kiểm tra, dân hưởng lợi. Lồng ghép phong trào thôn văn hóa, gia đình văn hóa để cùng nhau thi đua xây dựng nông thôn mới.

Vận động nhân dân trên địa bàn xã hiến đất, hiến cây, đóng góp vật chất, tiền bạc và ngày công lao động để thực hiện chương trình nông thôn mới nhất là việc mở rộng, cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, giao thông đồng ruộng.

*c) Đánh giá vai trò của Mặt trận, đoàn thể ở xã trong công tác tuyên truyền.*

Mặt trận, đoàn thể từ xã đến thôn cùng với Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn đã tích cực vào cuộc vận động nhân dân thống nhất các kế hoạch xây dựng các tiêu chí một cách cụ thể. Thông qua Mặt trận, Đoàn thể các hội viên, đoàn viên đã hiến đất, hiến cây, hiến tài sản và đóng góp ý kiến sáng tạo trong xây dựng phong trào.

*d) Những khó khăn vướng mắc và nguyên nhân cần khắc phục.*

Mặc dầu chương trình xây dựng nông thôn mới chủ yếu là phục vụ cho người dân nông thôn, nhưng một số cán bộ và người dân bước đầu còn chưa hiểu rõ, chưa xác định vai trò trách nhiệm cộng đồng của mình để tham gia.

Nguồn vốn hỗ trợ từ các cấp, theo hướng dẫn từ nhiều nguồn nhưng thực tế chỉ có nguồn vốn từ cấp nhà nước và nhân dân đóng góp không có nguồn vốn từ các doanh nghiệp, tổ chức khác nên khó thực hiện các tiêu chí theo lộ trình.

Ban chỉ đạo Nông thôn mới các cấp nhất là cấp huyện cần đi sâu, đi sát và cụ thể hơn nữa để giúp Ban quản lý xã tháo gỡ khó khăn trong các lĩnh vực như: Đào tạo đội ngũ quản lý, tập huấn phát triển sản xuất, phương pháp huy động nguồn lực vv.

**5. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 đến nay.**

*a) Nguồn lực xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2011 – 2015*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Số lượng** | **Giá thành** | **Thành tiền** |
| Đường bê tông | 11 km | 1.000.000 | 11.000.000.000 |
| Nhà văn hóa | 3 | 500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Hiến đất | 2,7ha | 1.000.000.000 | 2.700.000.000 |
| Hiến tài sản | Hàng rào, cây cối | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Đường nội đồng | 1,5 km | 300.000.000 | 450.000.000 |
| Trường Mầm non | 1 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Trường Tiểu học | 1 | 1.800.000.000 | 1.800.000.000 |
| Nhà chức năng THCS | 1 | 3.700.000.000 | 3.700.000.000 |
| Đình chợ Thọ lộc | 1 |  | 230.000.000 |
| Hội trường UBND | 1 | 4.600.000.000 | 4.600.000.000 |
| **Cộng** |  |  | **28.080.000.000** |

Ngân sách xã: 5.900.777.000.000.đồng.

Ngân sách huyện, tỉnh: 7.730.000.000. đồng

Nhân dân đóng góp: 14.449.223.000 đồng

*b) Nguồn lực xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 đến nay:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Số lượng** | **Giá thành** | **Thành tiền** |
| Đường bê tông | 22 km | 1.000.0000.000 | 22.000.000.000 |
| Nhà văn hóa | 6 nhà | 500.000.000 | 3.000.000.000 |
| Hiến đất | 3 ha | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Hiến tài sản |  | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Đường nội đồng | 5 km | 300.000.000 | 1.500.000.000 |
| Trường Mầm non | 02 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Trường Tiểu học | 02 | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| Trường THCS | 1 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Ki ốt chợ Thọ lộc | 1 | 6.400.000.000 | 6.400.000.000 |
| Sân, đình chợ Thọ lộc | 1 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Hàng rào khuôn viên  Mầm non, THCS | 3 | 1.900.000.000 | 1.900.000.000 |
| Sân vận động | 1 | 736.000.000 | 736.000.000 |
| Khu di tích | 1 | 350.000.000 | 350.000.000 |
| **Cộng** |  |  | **60.986.000.000** |

Ngân sách xã: 13.729.789.000.đồng.

Ngân sách huyện, tỉnh: 21.000.000.000. đồng

Vốn các dự án khác lồng ghép: 976.000.000.đồng

Nhân dân đóng góp 25.255.235.000 đồng

**6. Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện phong trào thi đua “ cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2010-2020 và đánh giá hiệu quả phong trào thi đua đối với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.**

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chương trình liên quan nông nghiệp, nông thôn và nông dân có tác động tích cực đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội ; quốc phòng- an ninh ở nông thôn.

Được các đại hội từ cấp đảng bộ đến chi bộ đưa vào nghị quyết và xem đây là nhiệm vụ chính trong giai đoạn 2010 - 2020 với nhiều chương trình, kế hoạch cụ thể, chi tiết.

Chính quyền giành nhiều ưu tiên bố trí nguồn lực cho nông nghiệp , nông thôn.

Khi triển khai phong trào *“ Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”* được mọi tầng lớp nhân dân ủng hộ nhất là bà con nông thôn đã hết sức vui mừng đón nhận và hưởng ứng cao.Trong suốt 10 năm qua các kế hoạch, phong trào đều lồng ghép chương trình xây dựng nông thôn mới. Công tác thi đua, khen thưởng từ cá nhân đến tập thể được kịp thời.

Đội ngũ cán bộ từ xã đến thôn đúc rút được nhiều kinh nghiệm cả về lý luận lẫn thực tiễn trong thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội.

- Thực hiện đề án tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp của Huyện, UBND xã đã thực hiện chủ trương *“Dồn điền, đổi thửa“* xoá bỏ tình trạng ruộng đất manh mún, hoàn thiện xây dựng hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với điều kiện đất đai, lợi thế canh tác của từng loại đất, từng chủ sử sụng đất; Tạo điều kiện cơ giới hóa – Hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Với quyết tâm cao trong chỉ đạo, lãnh đạo và sự đồng tình ủng hộ của cả hệ thống chính trị cũng như toàn thể nhân dân Vạn Trạch đã về đích sớm hơn kế hoạch 3 năm. Đảng bộ và nhân dân tin tưởng vào đội ngũ cán bộ từ xã đến thôn sẳn sàng hưởng ứng các phòng trào để ra.

Việc đạt chuẩn nông thôn mới trước kế hoạch tạo điều kiện cho đảng bộ và nhân dân xã nhà có điều kiện nâng cao, hoàn thiện các tiêu chí ngày càng bền vững hơn tiến tới nâng mức xã nông thôn kiểu mẫu trong những năm tiếp theo.

**7. Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình.**

Nợ động XDCB tại thời điểm 09/2016 là: 1.500 triệu đồng. Bắt đầu từ năm 2017, UBND xã dành ưu tiên các nguồn lực để trả nợ dần vốn xây dựng cơ bản, nguồn lực chủ yếu là nguồn đấu giá QSDĐ hàng năm.

**III KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA BỘ TIÊU CHÍ**

Số tiêu chí đạt được năm 2011: 9 tiêu chí

Số tiêu chí đạt được năm 2015: 16 tiêu chí

Số tiêu chí đạt được năm 2016: 19/19 tiêu chí

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. **Những mặt đạt được:**

- Qua 10 năm thực hiện chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, kết cấu hạ tầng nông thôn xã phát triển nhanh, đáng chú ý là hệ thống giao thông nông thôn được cứng hoá bằng bê tông đạt trên 90%, (giai đoạn 2010 – 2015 đạt 30%) trường học, nhà văn hoá thôn , cụm loa truyền thanh và các thiết chế văn hoá, thể thao được hoàn thiện đạt chuẩn. Tính đến năm 2016, 12 thôn trong toàn xã có nhà văn hoá đạt chuẩn theo tiêu chí của Bộ Xây dựng (giai đoạn 2010 – 2015 đạt 33%) , các thiết chế văn hoá như, sân khấu ngoài trời, sân bóng chuyền, sân bóng đá 12 thôn đều có. Hệ thống giao thông, thuỷ lợi nội đồng được cứng hoá đạt 60% (giai đoạn 2010 – 2015 đạt 25%). Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia năm 2016, trường THCS đạt chuẩn Quốc gia năm 2017.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh qua từng năm, năm 2010 chiếm 12,6 % , đến năm 2018 còn 3,0%, thu nhập bình quân đầu người tăng hàng năm: năm 2010 đạt: 9,5 triệu đồng, năm 2018 đạt 41 triệu đồng, năm 2019 ước đạt 43 triệu đồng.

- Sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, nhờ quy hoạch và dồn điền, đổi thửa thành mỗi hộ 1 thửa ruộng lớn vào năm 2016, đã tạo điều kiện cho cơ giới hoá, làm tăng năng suất lao động. Nông dân chủ động trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp theo nhu cầu thị trường. Xuất khẩu lao động được người dân quan tâm và là hướng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn mang lại nguồn thu nhập cao cho người dân.

- Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao quần chúng được đẩy mạnh, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt trên 99%. Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân tại trạm y tế được quan tâm, tỷ lệ người tham gia BHYT ngày càng tăng. Công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng được quan tâm đúng mức, hoạt động thu gom rác thải được thực hiện triệt để.

- Hệ thống chính trị không ngừng được củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp. Nhận thức, ý thức của người dân về phát huy quyền làm chủ, quyền giám sát xây dựng chính quyền không ngừng nâng cao. Ý thức về xây dựng nông thôn mới của nhân dân được đón nhận tích cực và được đẩy mạnh thành phong trào toàn xã. Nhân dân tự chủ động đóng góp nguồn xã hội hoá để xây dựng cơ sở hạ tầng hàng năm.

**2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

- Tuy tỷ lệ cứng hoá giao thông nông thôn đã phủ kín khắp các khu dân cư, nhưng hạ tầng giao thông, điện đến các vùng sản xuất, đặc biệt là vùng đồi nơi có diện tích lớn đất trồng cây hàng năm, cây lâm nghiệp, cây công nghiệp và cây ăn quả chưa được đầu tư cứng hoá, do thiếu nguồn vốn. Sức đóng góp của nhân dân chưa đáp ứng nổi.

- Kinh tế hợp tác xã, làng nghề trên địa bàn bước đầu hình thành nhưng còn lúng túng trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hoạt động cầm chừng chưa hiệu quả.

- Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa nhiều; nông dân chưa dám mạnh dạn đầu tư sản xuất các mặt hằng nông nghệp sạch, hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao chậm phát triển.

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới còn khó khăn, ngân sách nhà nước, kể cả vốn cho chương trình mục tiêu còn quá thấp so với nhu cầu thực tế; huy huy động nguồn đóng góp của nhân dân phụ thuộc vào mức thu nhập, nên nguồn huy động còn thấp. Huy động vốn từ doanh nghiệp còn hạn chế.

- Xuất phát điểm xây dựng nông thôn mới của xã thấp, do 95% dân số nguồn thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp, thu nhập từ nông nghiệp truyền thống chưa thực sự đáp ứng nhu cầu cuộc sống của người dân. Cơ sở hạ tầng chủ yếu nhờ nguồn đầu tư của cấp trên.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Thời tiết khí hậu khắc nghiệt, thiên tai, hạn hán, bão, lũ bất thường, đặc biệt là trong giai đoạn đã xảy ra hai cơ bão năm 2013, 2017 đã tàn phá hết 2/3 diện tích cây cao su và cây công nghiệp, lâm nghiệp dài ngày trên địa bàn. Từ đó cán bộ và nhân dân lúng túng trong việc thay đổi các loại cây trồng vùng đồi phù hợp với khí hậu và thị trường.

+ Thời tiết biến đổi khó lường nên nông dân, doanh nghiệp chưa dám đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hưu cơ.

+ Giá cả thị trường không ổn định, làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi của nhân dân.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế, nhất là tư tưởng trông chờ, ỷ lại từ nguồn ngân sách nhà nước. Tính tự lực, tự chủ còn ở mức độ, chưa phát huy.

+ Các mô hình phát triển sản xuất chưa thực sự phát huy hiệu quả, một phần chưa phù hợp với điều kiện thời thiết khí hậu, đất đai thổ nhưỡng của địa phương, một phần do người dân còn thụ động, chưa tâm huyết.

+ Công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về xây dựng nông thôn mới đôi khi còn thiếu thường xuyên. Chưa huy động được nguồn lực từ bên ngoài vào địa phương.

- Một số kinh nghiệm:

+ Công tác xây dựng kế hoạch hàng năm, 5 năm, 10 năm và dự báo trong thời gian xa hơn phải sát thực tế và khả thi, tránh lãng phí, hạn chế bất cập trong thực hiện kế hoạch.

+ Phải làm tốt công tác tuyên truyền để cả hệ thống chính trị và nhân dân nhận thức đúng và đầy đủ về XDNTM. Phải làm cho người dân hiểu họ thực sự là chủ thể và hưởng lợi từ chương trình XDNTM thì các mục tiêu hàng năm về nông thôn mới sẽ đạt.

+ Xây dựng khối đoàn kết thống nhất cả hệ thống chính trị, đoàn kết trong nội bộ các cấp uỷ, chi bộ các thôn và sự đồng thuận của nhân dân; đoàn kết trong tập thể Ban Thường vụ, cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương với sự quyết tâm, trách nhiệm cao trong từng lĩnh vực phụ trách.

+ Đân chủ ở cơ sở phải được phát huy tối đa, công khai minh bạch các khoản đóng góp của người dân và ngân sách hỗ trợ từ nhà nước. Bàn bạc thấu đáo công khai dân chủ rõ ràng với nhân dân các công trình dự án đầu tư, công tác lập kế hoạch, quy hoạch hàng năm vv…

+ Chính quyền luôn lắng nghe ý kiến nhân dân, phục vụ nhân dân giải quyết kịp thời, thấu đáo những tồn tại, vướng mắc và những bức xúc của nhân dân, làm cho nhân dân hài lòng, tin tưởng vào sự điều hành của chính quyền địa phương.

+ Khen thưởng, biểu dương kịp thời những cá nhân, tập thể điển hình trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

**Phần thứ hai**

**MÔT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020, SAU 2020.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát.**

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn từng bước hiện đại; giao thông, thuỷ lợi nội đồng, vùng sản xuất trọng điểm hoàn chỉnh. Sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, nông nghiệp sạch, hưu cơ gắn liên kết chuỗi tiêu thụ sản phẩm. Phát triển kinh tế nâng cao đời sống nhân dân đi đối với xây dựng phát triển đời sống văn hoá tin thần của nhân dân và bảo vệ môi trường bền vững; giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn.

**2. Mục tiêu cụ thể**

*a) Giai đoạn 2021 – 2025.*

Với các tiêu chi đã đạt xã tiếp tục đăng ký mức cao hơn là xã nông thôn mới nâng cao.

*b) Giai đoạn 2025 – 2030.*

- Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 55 – 100 triệu đồng/năm

- Hộ nghèo giảm còn 2% – 0,5%.

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 90 – 100%.

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt từ 80 – 100%.

**II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN.**

1. Tiếp tục nâng cao chất lương Chương trình, xây dựng kết cấu hạ tầng nâng thôn kết nối vùng sản xuất hoàn chỉnh, hiện đại. Tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho nhân dân.

2. Có chính sách ưu tiên các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đến đầu tư sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn, ưu tiên các doanh nghiệp cá nhân đầu tư vào lĩnh vực làng nghề, tiêu thụ và chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp.

3. Kiện toàn hệ thống quản lý, ban quản lý từ xã đến thôn theo hướng chuyên nghiệp có năng lực trình độ để thực hiện Chương trình.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu nâng cao Chương trình để người dân nắm rõ. Phát động phong trào thi đua sôi nổi trong toàn dân.

**III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 – 2025.**

- Nguồn vốn do ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp: 5 tỉ đồng

- Nguồn vốn do ngân sách tỉnh, ngân sách huyện: 9 tỷ đồng.

- Khả năng đối ứng của ngân sách địa phương: 5,5 tỉ đồng.

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: 2 tỷ đồng.

- Vốn tín dụng: 2 tỉ đồng.

- Vốn doanh nghiệp 3 tỷ đồng.

- Ngân sách xã: 2.5 tỉ đồng.

- Huy động từ người dân và cộng đồng: 7,5 tỷ đồng.

**IV. KIẾN NGHỊ CẤP TRÊN**

Đề nghị Trung ương, tỉnh hỗ trợ vốn trực tiếp của chương trình cho các xã nhất là vốn đầu tư phát triển để tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng. Vốn phát triển sản xuất các mô hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ công nghệ cao để nâng cao thu thập cho người dân.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND huyện;  - BCĐCTr huyện;  - TTĐU  - Lưu VP. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Hải Lương** |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2010 ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO**

*ĐVT: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung chi tiêu** | **Nguồn lực giai đoạn 2010 - 2015** | **Nguồn lực giai đoạn 2016 đến thời điểm báo cáo** | **Tổng nguồn lực giai đoạn 2010 - 2020** |
| **I** | **VỐN NGÂN SÁCH** |  |  |  |
| 1.1 | Vốn trực tiếp |  |  |  |
| a | Ngân sách Trung ương |  |  |  |
| b | Ngân sách địa phương |  |  |  |
| - | Tỉnh |  | 21.000 | 21.000 |
| - | Huyện | 7.730 |  | 7.730 |
| - | Xã | 5.900,7 | 13.729,8 | 19.630,5 |
| 1.2 | Vốn lồng ghép |  | 976 | 976 |
| **II** | **VỐN TÍN DỤNG** |  |  |  |
| **III** | **VỐN DOANH NGHIỆP** |  |  |  |
| **IV** | **CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ** |  |  |  |
| 1 | Tiền mặt | 11.649,2 | 22.155,2 | 33.804,4 |
| 2 | Ngày công lao động (quy đổi thành tiền) |  |  |  |
| 3 | Hiến đất (quy đổi thành tiền) | 2.700 | 3.000 | 5.700 |
| 4 | Tài sản (quy đổi thành tiền) | 100 | 100 | 200 |
| 5 | Đóng góp của con em xa quê |  |  |  |
| - | Tiền mặt |  |  |  |
| - | Công trình |  |  |  |
| **V** | **NGUỒN KHÁC** |  |  |  |